

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC THỦY SẢN VÀ NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ CHÍNH SÁCH BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN Ở ÁP BÌNH AN - THANH LỢI, XÃ VĨNH THẠNH TRUNG HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

Trương Thị Nga, Nguyễn Công Thuận và Nguyễn Minh Thư¹

ABSTRACT

An Giang province is flooding area in Mekong Delta. Formerly, natural aquatic resource was plentiful both species and production. Nowadays, production of fish was decreased because of many causes. For this reason, surveys aquatic status; the reason decreased aquatic resource and aware of people about aquatic resource conservation are very necessary. Results of survey at Chau Phu district, An Giang province showed that people caught fish mainly in the flooding reason. They caught in the field which had many fishes. Fishing gears was very diversified so species were caught very diversified. Production decreased much because people used exterminative gears, fishing at small fish... Besides, their awareness about aquatic protection policy is not good so aquatic resource was used excessively.

Keywords: Fishing gear, production, diversity

Title: Status of aquatic exploitation in Binh An – Thanh Loi hamlet, Vinh Thanh Trung village, Chau Phu district, An Giang Province

TÓM TẮT

An giang là tỉnh thuộc vùng lũ Đồng Bằng Sông Cửu Long. Trước đây, nguồn tài nguyên thủy sản rất dồi dào và phong phú cả về loài và sản lượng. Tuy nhiên sản lượng thủy sản những năm gần đây bị giảm sút đáng kể do rất nhiều nguyên nhân khác nhau. Do đó, việc tìm hiểu về hiện trạng đánh bắt thủy sản; nguyên nhân làm giảm nguồn lợi thủy sản địa phương và nhận thức người dân về việc bảo vệ nguồn tài nguyên thủy sản là hết sức cần thiết. Kết quả điều tra ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cho thấy: người dân đánh bắt chủ yếu vào mùa lũ; ngư cụ mà ngư dân sử dụng rất đa dạng và loài cá bắt được cũng rất đa dạng. Sản lượng cá hiện nay giảm nhiều so với trước do sử dụng các dụng cụ hủy diệt, đánh bắt lúc cá còn nhỏ.... Mặt khác, ý thức chấp hành chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản còn kém nên dẫn đến sự khai thác triệt để nguồn tài nguyên thủy sản.

Từ khóa: Ngư cụ đánh bắt, sản lượng, tính đa dạng

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

An Giang nằm ở hạ lưu sông Mê Kông, là tỉnh đầu nguồn của vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long có hệ thống sông ngòi, kênh mương chằng chịt. Vào mùa lũ, toàn tỉnh có khoảng 70 – 80% diện tích bị ngập nước, đây là điều kiện thuận lợi cho các loài thủy sản sinh sống và phát triển. Nguồn lợi thủy sản ở đây rất phong phú (có khoảng 140 loài cá), được bổ sung từ thượng nguồn sông Mê Kông và biển Hồ thuộc Campuchia vào mùa lũ hằng năm (Trần Văn Nhì, 2005). Những năm gần đây, sản lượng thủy sản giảm đáng kể (năm 2002 là 79.000 tấn, năm 2004 chỉ còn 58.000 tấn) (Nhì, 2005). Nguyên nhân gây giảm sút nguồn lợi thủy sản chính là do

¹ Bộ môn Môi Trường & QLNTN – Khoa Nông Nghiệp

hoạt động của con người. Ngoài ra, việc khai thác với cường độ cao và mang tính chất hủy diệt hàng loạt, hiện tượng phá hoại rừng đầu nguồn, việc đắp đập ngăn sông và xây dựng các hồ chứa ở thượng nguồn, ảnh hưởng của các biện pháp thủy lợi như đê chống lũ, ô nhiễm môi trường nước, đô thị hoá, sản xuất nông nghiệp... cũng góp phần làm suy giảm đáng kể nguồn lợi này (Nhi, 2005).

Trên cơ sở đó, đề tài “Hiện trạng khai thác thủy sản và nhận thức của người dân về chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở ấp Bình An Thạnh Lợi, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang” được thực hiện nhằm góp phần vào công tác quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản một cách hợp lý hơn.

2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Tìm hiểu hiện trạng khai thác thủy sản và nhận thức của người dân về chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở vùng nghiên cứu.

3 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 10/2005 đến tháng 12/2005.

3.2 Địa điểm nghiên cứu

Ấp Bình An Thạnh Lợi, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3.3 Phương pháp nghiên cứu

3.3.1 Phương pháp nghiên cứu

Chọn 30 hộ dân làm nghề đánh bắt cá và phỏng vấn trực tiếp về: những ngư cụ sử dụng cách nay 20 năm, 10 năm và hiện nay; nguyên nhân của sự thay đổi ngư cụ theo thời gian; thời điểm, thời gian và địa điểm đánh bắt; ngư cụ đang sử dụng hiện nay; các loài cá bắt được; sản lượng cá tự nhiên hiện nay; nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản; nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3.3.2 Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm thống kê Excel và SPSS để xử lý số liệu.

4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1 Diễn tiến quá trình sử dụng ngư cụ đánh bắt theo thời gian

4.1.1 Sự thay đổi ngư cụ đánh bắt theo thời gian

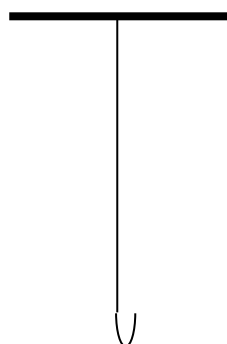
- Câu giăng, nom, lộp, câu thả, lờ, lộp đường ven 20 năm trước được người dân sử dụng nhiều nhưng 10 năm trở lại đây giảm rất đáng kể và hiện nay hầu như không còn sử dụng nữa vì những ngư cụ này đánh bắt gần như chuyên biệt một vài đối tượng nên sản lượng không cao.

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng ngư cụ khai thác thủy sản ở ấp Bình An – Thạnh lợi

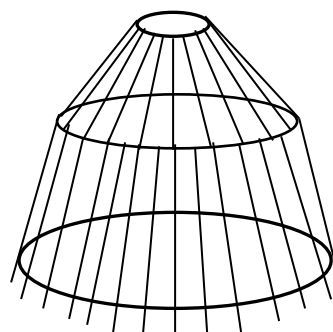
Tên ngư cụ	% sử dụng		
	Cách nay 20 năm	Cách nay 10 năm	Hiện tại
Câu giăng	13,0	0,7	Không còn sử dụng
Nom	11,3	0,7	Không còn sử dụng
Lọp	13,6	6,5	Không còn sử dụng
Câu thả	13,0	5,2	Không còn sử dụng
Lờ	1,1	Không còn sử dụng	Không còn sử dụng
Lọp đường ven	1,1	Không còn sử dụng	Không còn sử dụng
Cào	7,3	8,5	13,9
Lưới giăng	15,3	15,0	10,0
Câu cắm	10,7	10,5	4,4
Sà di	11,9	11,8	4,4
Chài	1,1	6,5	3,9
Chất chà	0,6	Không sử dụng	0,6
Dớn	Chưa sử dụng	13,1	14,4
Lưới 3 lớp	Chưa sử dụng	5,9	13,9
Lưới ùi	Chưa sử dụng	11,8	12,8
Xiệt	Chưa sử dụng	1,8	8,3
Lưới kéo	Chưa sử dụng	2,0	Không còn sử dụng
Lưới đánh	Chưa sử dụng	Chưa sử dụng	13,4



Hình 1: Lọp



Hình 2: Câu thả



Hình 3: Nom

- Các ngư cụ như cào, lưới giăng, câu cắm, sà di, chài, chất chà vẫn được người dân sử dụng vì những ngư cụ này dễ làm, rẻ tiền, bắt được nhiều đối tượng khác nhau.



Hình 4: Cào



Hình 5: lưới giăng



Hình 6: Sà di

- Những năm gần đây người dân thường sử dụng nhiều các ngư cụ như dớn, lưới 3 lớp, lưới ùi, xiệt, cào, lưới giăng, lưới đánh. Mặc dù các ngư cụ này đầu tư

tương đối đắt tiền nhưng ngược lại có thể bắt được nhiều đối tượng và sản lượng cao.



Hình 7: Lưới 3 lớp



Hình 8: Xiệt



Hình 9: Dón

4.1.2 Nguyên nhân sự thay đổi của những ngư cụ theo thời gian

(a) Những ngư cụ không còn sử dụng nữa

Bảng 2: Những ngư cụ không còn sử dụng nữa

Tên ngư cụ	Ý kiến người dân (%)
Câu giăng	51,9
Nom	92,6
Câu thả	81,5

(b) Nguyên nhân

Những người được phỏng vấn cho rằng các ngư cụ này thô sơ, khó tìm môi, đánh bắt sản lượng không nhiều, không đáp ứng được nhu cầu về thực phẩm và kinh tế của họ.

4.1.3 Nguyên nhân của sự xuất hiện của những ngư cụ mới

(a) Ngư cụ trước đây chưa có, hiện nay có

Bảng 3: Những ngư cụ mới

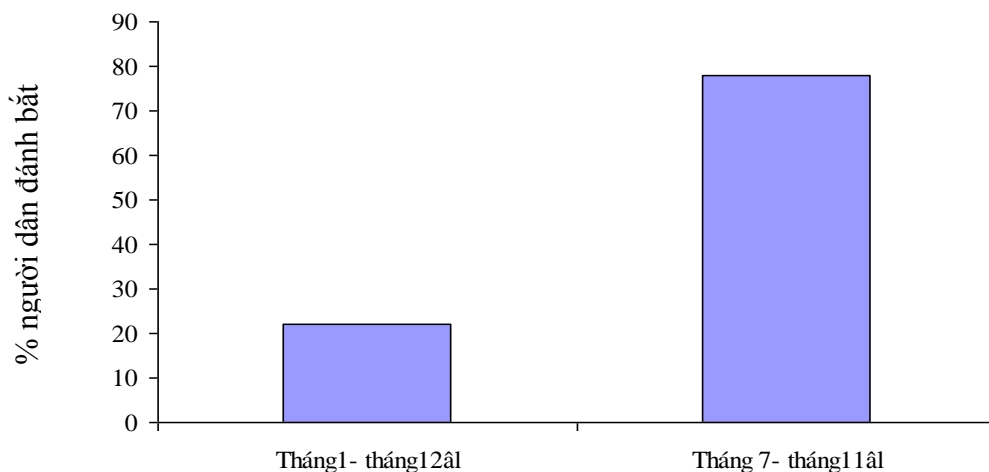
Tên ngư cụ	Ý kiến người dân (%)
Cào	81,5
Dón	92,5
Lưới 3 lớp	63,0
Lưới ùi	70,4
Xiệt	85,2

(b) Nguyên nhân

Do dân số tăng nhanh, nhu cầu về thực phẩm ngày càng cao, sản lượng cá giảm, những ngư cụ đánh bắt đơn giản năng suất thấp được thay bằng các ngư cụ mới có năng suất cao, thời gian rút ngắn nhằm tăng thêm thu nhập cho gia đình. Những hộ nghèo vào mùa lũ không có nhiều công việc để làm thuê, họ phải đầu tư mua các ngư cụ này với chi phí rất cao để đánh bắt cá nuôi sống gia đình. Do đó, họ phải tăng cường độ đánh bắt cao hơn mới có thể sinh lời. Thí dụ: dón với mắc lưới rất nhỏ có thể bắt cả cá con, lưới 3 lớp với 3 lớp có thể bắt những loại cá có kích cỡ khác nhau.

4.2 Thời điểm đánh bắt

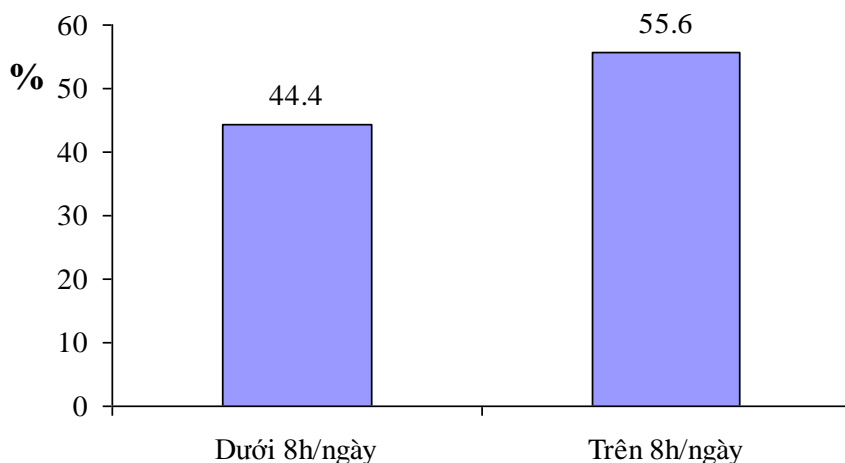
Đối với người dân ấp Bình An Thạnh Lợi, mùa lũ mang đến cho họ nguồn lợi thủy sản phong phú và thu nhập cho gia đình thông qua việc đánh bắt và tiêu thụ cá.



Hình 10: Tỷ lệ thời gian đánh bắt của người dân

Người dân đánh bắt vào mùa lũ (từ tháng 7- tháng 11 âm lịch) là phổ biến vì mùa này nước lũ không làm ruộng hay đi làm thuê được, mùa này cá nhiều, đánh bắt sẽ có thu nhập không cần đi làm thuê nơi xa. Một số người dân đánh bắt suốt năm vì đây là nguồn thu nhập chính của họ do họ không có đất canh tác, không có vốn để chăn nuôi...

4.3 Thời gian đánh bắt trong ngày



Hình 11: Thời lượng đánh bắt của các hộ dân

Ngày nay, người dân có khuynh hướng phải đầu tư nhiều hơn vào thời gian đánh bắt để đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho gia đình. Nói cách khác, thời gian đánh bắt của người dân ngày càng lâu hơn do nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt.

Theo số liệu phỏng vấn được thì số hộ có thời gian đánh bắt cá nhiều hơn 8 giờ/ngày chiếm 55,6%, số hộ có thời gian đánh bắt dưới 8 giờ chỉ chiếm 44,4%. Đa số người dân sử dụng phương tiện đánh bắt là lưới giăng, lưới 3 lớp, sà di, dớn ..., đây là các ngư cụ đánh bắt cần thời gian dài. Ví dụ như sà di thì 4 giờ chiều đi đặt, đến 7 giờ sáng mới mang về, còn dớn thì cố định suốt ngày... Thời gian đánh bắt càng lâu sẽ làm ảnh hưởng đến sự đa dạng nguồn lợi thủy sản, khả năng duy trì và phát triển quần thể thủy sản.

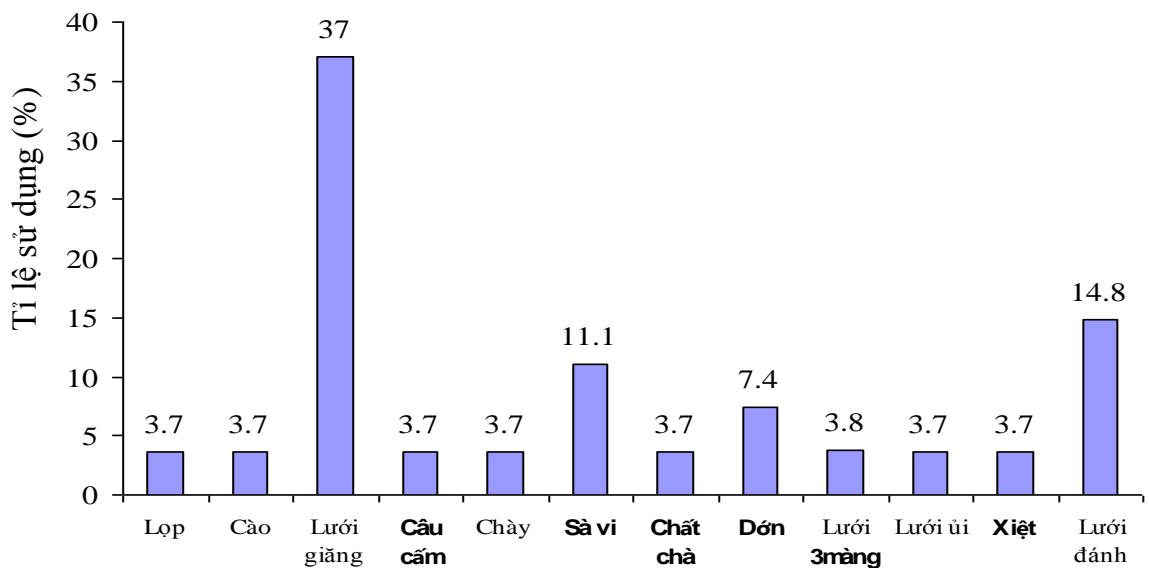
4.4 Địa điểm đánh bắt của ngư dân

Khi mùa lũ đến, cá từ các sông kênh rạch di cư lên đồng sinh sống và sinh sản nên nơi đánh bắt phổ biến nhất mùa này là ở trên ruộng. Vào mùa lũ ruộng ngập nước, diện tích bao la, nguồn cá dồi dào tạo điều kiện thuận lợi cho đánh bắt. Mặt khác, các ngư cụ được sử dụng như lưới giăng, lưới 3 lớp, sà di... thì rất thích hợp khai thác trên ruộng. Ngược lại, sông và kênh là thủy vực đánh bắt chủ yếu của người dân sau mùa lũ.

Bảng 4: Vị trí đánh bắt của ngư dân

Loại thủy vực	Ý kiến người dân (%)
Kênh	74,1
Ruộng	85,2
Sông	22,2

4.5 Tên ngư cụ người dân đang sử dụng



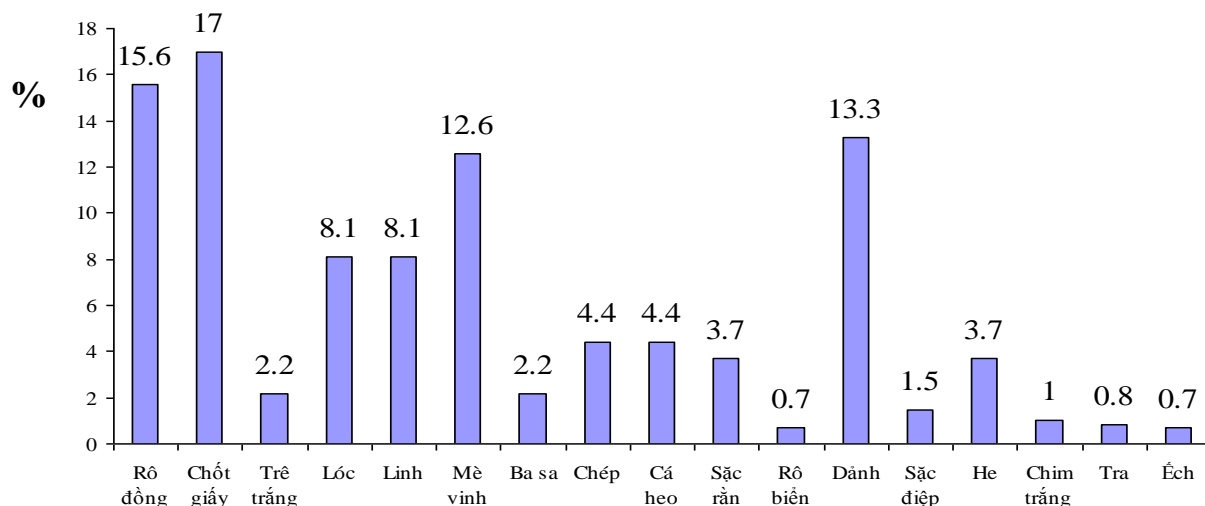
Hình 12: Tỉ lệ % ngư cụ sử dụng cho đánh bắt cá của các hộ dân

- Ngư cụ được các hộ ngư dân sử dụng nhiều nhất là lưới giăng, lưới đánh, sà di, dớn vì chúng rẻ tiền, thích hợp nhiều thủy vực, đánh bắt nhiều loài cá và năng suất cao, ít tốn công...
- Các ngư cụ như chày, chất chà, cào... dễ sử dụng, bắt được những loài cá có kích thước lớn nên cũng được sử dụng phổ biến.
- Xiệt là ngư cụ rất nguy hiểm cho con người và bắt cá với tính chất hủy diệt cao. Đây là ngư cụ cấm nhưng người dân vẫn sử dụng cho thấy ý thức người dân và sự quản lý chính quyền còn chưa cao.

4.6 Loài cá bắt được

Do đối tượng đánh bắt của các ngư cụ như lưới giăng, lưới đánh, sà di, dớn... chủ yếu là cá chột, cá rô, cá dảnh, cá mè vinh... nên sản lượng thu hoạch các loài cá này nhiều và sự đa dạng các loài thủy sản được thể hiện ở Hình 13. Theo người dân thì trước đây vào mùa lũ cá linh rất nhiều, họ làm mắm để ăn và bán. Hiện nay, không còn nhiều hộ ủ mắm vì sản lượng giảm rất nhiều. Kết quả điều tra cho thấy chỉ có 17 loài cá được phát hiện so với năm 2004 là 26 loài (Trần Hiến

Phuong, 2004). Điều này cho thấy không chỉ có sự giảm về trữ lượng cá mà còn cả về thành phần loài.



Hình 13: Tỷ lệ % các loài cá được đánh bắt

4.7 Kết quả điều tra phỏng vấn về sản lượng cá tại Châu Phú

Bảng 5: Kết quả tỉ lệ sản lượng cá ngoài tự nhiên

Sản lượng hiện nay	Ý kiến người dân (%)
Giảm 80%	15,8
Giảm 70%	40,7
Giảm 60%	33,3
Giảm 50%	7,4

Sản lượng hiện nay giảm nhiều so với trước do người dân sử dụng các ngư cụ mang tính hủy diệt như: xung điện, đặt dòn, cào điện, ùi điện, sử dụng lưới 3 lớp, đánh bắt lúc cá còn nhỏ, và dân số ngày một đông, nên nhu cầu về lương thực thực phẩm ngày một lớn nên cường độ đánh bắt cao hơn làm cho nguồn lợi thủy sản suy giảm ngày càng nghiêm trọng.

4.8 Nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản

- Nguyên nhân tác động trực tiếp đến nguồn lợi thủy sản chủ yếu là do người dân đánh bắt quá nhiều với cường độ cao, triệt để và sử dụng một số ngư cụ đánh bắt ngày càng tinh vi và hiện đại.

Bảng 6: Ý kiến người dân về nguyên nhân làm giảm nguồn lợi thủy sản địa phương

Nguyên nhân	Ý kiến người dân
Do đánh bắt nhiều	***
Do có nhiều ngư cụ mới bắt nhiều cá hơn	**
Do canh tác nông nghiệp	*

*: Mức độ về ý kiến người dân trả lời

- Ngoài ra cũng còn một số nguyên nhân khác như hoạt động canh tác nông nghiệp với các biện pháp thủy lợi, bao đê ngăn lũ đã ảnh hưởng một phần đến trữ lượng cá do mất diện tích tự nhiên dành cho sinh trưởng, sinh sản và sự di cư của chúng; các biện pháp thâm canh tăng vụ; sử dụng nhiều chất hóa học

trong nông nghiệp đã làm cho môi trường nước ô nhiễm ảnh hưởng trực tiếp đến sự sinh tồn của các loài cá.

4.9 Nhận thức của người dân về việc bảo vệ nguồn tài nguyên thủy sản

Như đã nói, nguyên nhân gây giảm sút nguồn lợi thủy sản chính là con người tác động đến nguồn thủy sản một cách không hợp lý. Người dân chỉ thấy lợi ích trước mắt, làm lợi cho mình mà không nghĩ đến thế hệ tương lai.

Theo số liệu điều tra từ chính quyền địa phương thì có 87,5% cán bộ cho rằng người dân không quan tâm về chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở địa phương. Đây chính là nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở địa phương và làm cho cạn kiệt nguồn thủy sản.

Còn theo ý kiến từ người dân địa phương thì 84,85% không quan tâm hay ít quan tâm đến chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở địa phương. Một trong những lý do là họ không có đủ thời gian để nghĩ đến hay do bận làm ăn nên không để ý nhiều đến việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở địa phương.

Bảng 7: Nguyên nhân không quan tâm đến chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Lý do	Ý kiến người dân
Không có đủ thời gian	*
Lo làm ăn	*
Không để ý tới	*

*: Mức độ ý kiến người dân trả lời

Cũng có một số gia đình chấp hành tốt chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Những gia đình này có đủ điều kiện kinh tế, hoặc gia đình làm nghề buôn bán hay nuôi trồng thủy sản, nên họ không đánh bắt thủy sản nhiều. Kết quả điều tra cho thấy, người dân nơi đây phần lớn không có tham gia vào các lớp khuyến ngư, công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản của địa phương (chiếm 96,97%). Chỉ có 3,03% có tham gia là do gia đình có nuôi tôm công nghiệp nên đi học cho biết. Điều này cho thấy người dân không chấp hành tốt công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở địa phương, nếu có thì cũng chỉ phục vụ riêng cho lợi ích cá nhân.

5 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1 Kết luận

- Người dân đánh bắt chủ yếu vào mùa lũ (từ tháng 7- tháng 11 âm lịch) và ở trên ruộng. Ngư cụ mà ngư dân sử dụng rất đa dạng, từ những ngư cụ thô sơ đến những ngư cụ tinh vi như dón, lưới 3 lớp... Do đó loài cá bắt được cũng rất đa dạng.
- Hiện nay, các ngư cụ thô sơ (câu giăng, nom, lợp, câu thả, lợp đường ven) không còn sử dụng nữa vì đánh bắt bằng những ngư cụ này năng suất không cao. Các ngư cụ mới mang tính hủy diệt: cào, dón, lưới ủa, lưới 3 lớp, lưới đánh được sử dụng phổ biến vì chúng đánh bắt được nhiều đối tượng khác nhau, ít tốn công mà năng suất cao. Xung điện là ngư cụ cấm nhưng vẫn còn sử dụng do ý thức của người dân chưa cao và sự quản lý chính quyền địa phương còn chưa nghiêm khắc.
- Sản lượng cá hiện nay giảm nhiều so với trước do những nguyên nhân chủ yếu như sử dụng những ngư cụ mang tính chất hủy diệt và đánh bắt lúc cá còn nhỏ,

sử dụng nông dược canh tác nông nghiệp, và do ý thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản người dân chưa cao.

5.2 Kiến nghị

- Tiếp tục nghiên cứu sự biến động về ngư cụ, sản lượng đánh bắt thủy sản ở vùng nghiên cứu. Nghiên cứu hoạt động đánh bắt thủy sản làm ảnh hưởng đến môi trường và nguồn tài nguyên thủy sản của các ngư cụ sử dụng phổ biến (Dớn, lưới 3 lớp, cào...).
- Xử phạt nghiêm minh các hình vi phạm về khai thác nguồn lợi thủy sản. Đối với các hộ ngư dân nên tổ chức những buổi họp, tuyên truyền với mọi hình thức nhằm tạo cho người dân có hiểu biết sâu rộng về chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trần Văn Nhì, 2005. Chiến lược bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh An Giang 2010. Chi cục Bảo vệ Nguồn lợi thủy sản tỉnh An Giang.
- Trần Hiến Phương, 2004. Khảo sát thành phần loài và lượng cá trong vùng đệm khu bảo tồn cá áp Bình An, Thạnh Lợi, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Luận văn tốt nghiệp chuyên ngành Môi Trường, Đại học Cần Thơ.